

Tập 47

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm mươi chín:

Khai chương thích văn nhị.

開章釋文二。

(Chia thành chương đoạn để giải thích kinh văn, gồm hai phần).

Đoạn này cũng khá dài, chia thành hai đoạn nhỏ hơn. Đoạn thứ nhất là “*lược tiêu*” (nêu đại lược những ý chính), đoạn thứ hai là giải thích chi tiết.

Tương thích thử kinh, tổng khai thập môn, nhất giáo khởi sở nhân, nhị tạng giáo đẳng nhiếp, tam nghĩa lý thâm quảng, tứ sở bị giai phẩm, ngũ năng tuyên thể tánh, lục tông thú chỉ quy, thất bộ loại sai biệt, bát dịch thích tụng trì, cửu tổng thích danh đề, thập biệt giải văn nghĩa.

將釋此經，總啟十門：一教起所因，二藏教等攝，三義理深廣，四所被階品，五能詮體性，六宗趣旨歸，七部類差別，八譯釋誦持，九總釋名題，十別解文義。

(Để giải thích kinh này, chia thành mười môn tổng quát như sau: Một là nhân duyên phát khởi giáo pháp, hai là kinh này thuộc về tạng nào và giáo nào, ba là nghĩa lý sâu rộng, bốn là các địa vị và phẩm vị được kinh này nhiếp thọ, năm là thể tánh được trình bày bởi kinh này, sáu là tông, thú, ý chỉ quy kết, bảy là sự sai khác giữa các kinh đồng bộ và đồng loại, tám là dịch, chú giải, tụng trì, chín là giải thích tổng quát tên kinh, mười là giải thích ý nghĩa riêng biệt của từng đoạn kinh văn).

Trước hết, đại sư nói rõ phương pháp Ngài sử dụng để giải thích bộ kinh này. Dùng phương pháp nào để giải thích? Tại Trung Quốc từ xưa đến nay, bất luận giảng kinh hay chú giải kinh đều có phương thức nhất định. Tuy nói là phương thức nhất định, nhưng hoàn toàn chẳng phải chỉ có một phương thức mà có nhiều thứ. Trong phần lời tựa kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đã thấy có mười mấy phương thức, trong đó nổi danh nhất là cách thức của hai tông Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Phương pháp của tông Hoa Nghiêm là “*thập môn khai khai*”, tức là dùng mười cương

mục (mười chủ đề chính), dùng phương thức này để giải thích; còn tông Pháp Hoa thì dùng Ngũ Trung Huyền Nghĩa (năm tầng huyền nghĩa), đơn giản hơn mười môn, chỉ có năm điều. Tông Hoa Nghiêm do kinh Hoa Nghiêm dùng “mười” để biểu thị pháp, “mười” tượng trưng cho viên mãn. Vì thế, các vị bên tông Hoa Nghiêm giải thích kinh văn cũng dùng mười đề mục. Những phương thức giải thích của các tông khác hiện thời rất ít được tuân hành.

Hiện thời, trong sự nghiên cứu Phật học, dấy lên rất nhiều biến hóa rất lớn, như cái gọi là “phương pháp khoa học”, tức là dùng phương pháp học thuật của Tây Phương để nghiên cứu kinh Phật. Nhìn bề ngoài, phương pháp ấy rất hợp thời trang, rất mới mẻ; thật ra, tôi nhận thấy nó chẳng thể sánh bằng phương cách của cổ nhân. Những điều cổ nhân giảng giải là Phật pháp, những điều con người hiện thời nêu ra là Phật học. Phật học và Phật pháp khác nhau! Phật pháp dạy chúng ta liễu sanh tử, xuất tam giới, còn Phật học tối đa chỉ có thể coi như một thứ học vấn, chẳng liên quan gì đến sanh tử, mà cũng chẳng liên quan gì với đoạn phiền não. Chúng ta cần phải hiểu rõ điều này, lại còn phải nghiêm túc tu học. Dùng Phật pháp, ta có thể lừa gạt người khác cả đời [ta là một bậc thông gia, tu tập cao siêu], nhưng đến phút cuối lâm chung, ắt hiện nguyên hình, rốt cuộc quý vị có công phu hay không đều lộ hết ra, chẳng có cách nào giấu diếm được! Mấy hôm trước, pháp sư Quảng Khâm vãng sanh; tuy lão nhân gia sống đến chín mươi lăm tuổi trên cõi đời, Ngài chưa từng giảng kinh, cũng chưa hề tạo danh lợi, chưa từng làm ủy viên hội Phật giáo, thật thà tham Thiền, đến tuổi già bèn hoàn toàn niệm Phật, chẳng tham Thiền nữa, tự mình niệm Phật, dạy người khác niệm Phật. Đến phút cuối Ngài ra đi, biểu hiện cho chúng ta thấy: Biết trước lúc mất, không bệnh tật mà qua đời. Hiện thời, tôi cũng chưa từng thấy người xuất gia nào đến phút cuối cùng được như Ngài; nhưng trong giới cư sĩ tu hành rất tốt đẹp, tôi thấy khá nhiều người ra đi tự tại giống như lão hòa thượng! Do vậy, học Phật thì phải nghiêm túc tu học, chớ nên màu mè, chớ nên ham kỳ chuộng quái, cứ thật thà niệm một câu A Di Đà Phật là được rồi! Liên Trì đại sư hoàn toàn tuân thủ giáo huấn của cổ đức, đây là người chất phác. Được gọi là “người chất phác” chính là người tôn cổ nhân làm thầy, học theo cổ nhân, chẳng cầu phương cách hoa dạng mới mẻ!

(Sớ) Thử lệ Hoa Nghiêm Sớ chỉ.

(疏) 此例華嚴疏旨。

(Sớ: Đây là tuân theo thể lệ của bộ Hoa Nghiêm Sớ).

“*Lệ*” (例) là thể lệ. Ngài tuân theo thể lệ, phương pháp giải thích đại kinh của bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao.

(Sớ) *Lược vì thập môn, tiền bát nghĩa môn.*

(疏) 略為十門，前八義門。

(Sớ: Chia đại lược thành mười môn, tám môn đầu thuộc về nghĩa môn).

Tám môn đầu gọi là “*nghĩa môn*”, chúng ta thường gọi là phần Huyền Nghĩa. Huyền Nghĩa chính là đại ý của cả bộ kinh, luận định toàn bộ bản kinh.

(Sớ) *Hậu nhị chánh thích.*

(疏) 後二正釋。

(Sớ: Hai môn cuối là phần chánh thức giải thích kinh văn).

Hai môn cuối là phần chánh thức giải thích kinh văn, trước tiên, phải bắt đầu bằng giải thích đề mục (tên gọi của bản kinh) rồi mới giải thích toàn bộ kinh văn.

(Sớ) *Hựu thử dĩ Thiên Thai Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, đại đồng tiểu dị.*

(疏) 又此與天台五重玄義，大同小異。

(Sớ: Phần này lại tương đồng, chỉ sai khác đôi chút [nếu đem so với] năm tầng huyền nghĩa của tông Thiên Thai).

Chữ “*Thiên Thai*” chỉ tông Pháp Hoa, họ dùng năm điều mục để giải thích kinh. Năm điều mục ấy không ít, mười điều mục của tông Hoa Nghiêm chẳng nhiều. Vì sao nói chẳng nhiều, chẳng ít? Dem mười điều mục rút gọn lại thì thành năm điều; năm điều triển khai ra sẽ thành mười điều. Vì thế, quý vị phải hiểu: Thập Môn Khai Khải và Ngũ Trùng Huyền Nghĩa nếu luận theo phương diện nội dung thì chẳng tăng, chẳng giảm, đều viên mãn cả!

(Sớ) *Cái khai chi thành thập, thúc chi thành ngũ, sảo hữu tường lược vân nhĩ.*

(疏) 蓋開之成十，束之成五，稍有詳略云爾。

(Sớ: Bối lẽ, tách ra thì thành mười, rút gọn lại thì thành năm, chỉ sai khác đôi chút là căn kẽ hay đại lược mà thôi).

Mười điều là nói chi tiết một chút, năm điều là nói tinh lược một chút, nhưng nghĩa lý nhất định rất hoàn chỉnh. Quý vị đọc chú giải sẽ thấy trong đoạn này đã giải thích đơn giản mười hạng mục ấy. Trước hết, chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa của mười hạng mục, sau đây mới có thể quán sát nội dung của toàn bộ bản kinh. Hạng mục thứ nhất là nói...

(Diễn) *Giáo khởi sở nhân giả.*

(演) 教起所因者。

(Diễn: Cái nhân khiến cho giáo pháp được phát khởi ...)

Chữ “giả” ở đây là từ ngữ nghi vấn, cái nhân khiến cho giáo pháp này khởi lên là gì vậy? Tiếp đó, sách giải thích cho chúng ta biết:

(Diễn) *Thánh nhân ngôn bất hư phát, động tất hữu do, phi vô nhân duyên nhi tuyên tư diễn, cố thủ chi dĩ khởi giáo nhân duyên.*

(演) 聖人言不虛發，動必有由，非無因緣而宣斯典，故首之以起教因緣。

(Diễn: Thánh nhân chẳng thốt lời suông, hễ làm gì đều có nguyên do, chẳng phải là không có nhân duyên mà tuyên nói bản kinh này. Vì thế, trước hết nêu ra nhân duyên phát khởi giáo pháp này).

Chữ “thánh nhân” chỉ chư Phật, Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát chẳng thể vô duyên vô cớ nói một câu nào, cũng chẳng thể vô duyên vô cớ cười với quý vị, không có chuyện ấy! Nhất cử nhất động của các Ngài đều có ý nghĩa rất sâu. Do đó, nhất định phải có đạo lý. Đức Phật nói bài kinh này vì nguyên nhân nào? Do đạo lý nào? Nhất định có đạo lý! “Động tất hữu do”: “Do” (由) là nguyên do, lý do, nhất định phải có lý do. “Phi vô nhân duyên nhi tuyên tư diễn”, chữ “tư diễn” chỉ kinh Di Đà, [“phi vô nhân duyên nhi tuyên tư diễn” nghĩa là] tuyệt đối chẳng phải là vô duyên vô cớ mà nói ra bộ kinh này. Do điều này, trước khi chúng ta nghiên cứu bộ kinh này, trước hết phải hiểu do nguyên nhân nào mà đức Phật nói ra bộ kinh này. Trong mười điều mục, điều thứ nhất là luận định “giáo khởi

sở nhân”, “giáo” (教) là giáo học, “khởi” (起) là hưng khởi, “sở nhân” (所因) là nguyên nhân.

(Diễn) Phật giáo tuy quảng.

(演) 佛教雖廣。

(Diễn: Sự giáo hóa của đức Phật tuy rộng).

Chữ “giáo” ở đây là “giáo học”, sự giáo học và giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật hết sức rộng lớn, hết sức nhiều và phức tạp. Lão nhân gia xuất hiện trong thế gian thuở ấy, ba mươi tuổi chứng đạo, sau khi chứng đạo bèn bắt đầu hoằng pháp, tức là thị hiện thành Phật năm ba mươi tuổi, tám mươi tuổi viên tịch. Trong bốn mươi chín năm ấy, lão nhân gia chưa hề nghỉ một ngày nào, hằng ngày giảng kinh thuyết pháp, mỗi ngày giảng suốt tám giờ. Đệ tử đời sau ghi chép, chỉnh lý [những lời giảng ấy], nay chúng ta gọi [những ghi chép ấy] là Đại Tạng Kinh, những điều được lão nhân gia giảng giải quá phong phú!

Có phải là toàn bộ những gì Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong suốt một đời Ngài được lưu lại trong Đại Tạng Kinh bằng tiếng Hán hiện thời hay không? Thưa quý vị, không phải. Vì những gì được phiên dịch [từ tiếng Phạn sang tiếng Hán] cũng chỉ là một phần mà thôi! Còn có rất nhiều kinh điển nguyên bản bằng tiếng Phạn chưa truyền sang Trung Quốc, và những kinh đã truyền sang Trung Quốc nhưng chưa được phiên dịch cũng rất nhiều! Chúng ta chọn lấy những bản kinh tốt nhất, quan trọng nhất, thích hợp cho người Hoa tu hành, chọn lựa những bản kinh ấy để dịch trước. Nói cách khác, tuy chưa phải là toàn bộ kinh giáo do đức Phật đã giảng, nhưng toàn bộ tinh hoa và những điều trọng yếu nhất trong những gì lão nhân gia đã nói đều đã được dịch ra.

(Diễn) Bất xuất Tam Tạng thập nhị bộ.

(演) 不出三藏十二部。

(Diễn: Chẳng ra ngoài Tam Tạng mười hai phần giáo).

Tam Tạng là Kinh Tạng, Luật Tạng và Luận Tạng. Toàn bộ nội dung tư liệu dạy học của đức Phật được bao gồm trong ấy. “Thập nhị bộ”: Bộ là bộ loại, chứ không phải như trong hiện tại, chúng ta gọi một bộ sách là một Bộ, không mang ý nghĩa ấy. Hiện thời gọi Bộ là “thể tài” (genre), dùng thể tài văn chương nào để viết. Kinh Phật có tất cả mười hai loại thể

tài khác nhau, có văn xuôi, thi ca, câu dài ngắn, kệ tụng, chú ngữ... có tới mười hai loại. Vì sao phải có nhiều thể tài đường ấy? Đợi đến phần sau, chúng tôi sẽ nói tiếp, giới thiệu cho quý vị. Nói đại lược thì không gì chẳng nhằm thích hợp căn tánh của chúng sanh. Ví như có nhiều người, quý vị bảo họ đọc sách, họ chẳng đọc, bảo họ học thuộc sách, họ [cảm thấy] khổ sở quá chừng! Bảo họ ca hát, họ rất vui lòng, đối với họ, ca hát được lắm. À! Anh thích ca hát thì đức Phật bèn nói kệ tụng, kệ tụng là những lời ca, đem phổ nhạc bèn có thể hát lên, đủ thấy đức Phật giáo hóa đúng là phương tiện thiện xảo đến tột bậc!

(Diễn) Vị ủy thử kinh hà sở nhiếp thuộc, cố thọ chi dĩ tạng giáo đẳng nhiếp.

(演) 未委此經何所攝屬，故受之以藏教等攝。

(Diễn: Chưa rõ kinh này nhiếp thuộc ra sao, nên chỉ ra kinh này thuộc về tạng nào, giáo nào).

Đây là điều mục thứ hai, vì sao xếp vào điều thứ hai? Trong Tam Tạng Kinh, kinh này thuộc về loại nào? Trong mười hai thứ thể tài, nó thuộc thể tài nào? Đây là những điều cần biết. “Tạng” (藏) là Tam Tạng, “Giáo” (教) là mười hai bộ. Người đời sau¹ sợ chúng ta thấy danh từ này sẽ hiểu lầm, tưởng kinh Phật chỉ có mười hai bộ, nên gọi là “mười hai phần giáo”.

(Diễn) Dĩ tri thử kinh Tam Tạng chi trung Tu-đa-la nhiếp.

(演) 已知此經三藏之中修多羅攝。

(Diễn: Đã biết kinh này thuộc về Kinh Tạng trong Tam Tạng).

“Tu-đa-la” (Sūtra) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Kinh. Trong Tam Tạng Kinh - Luật - Luận, kinh này thuộc về Kinh Tạng.

(Diễn) Ngũ giáo chi trung thuộc Chung Đôn Viên.

(演) 五教之中屬終頓圓。

(Diễn: Trong ngũ giáo, kinh này thuộc về Chung Giáo, Đốn Giáo và Viên Giáo).

¹ Chữ “người đời sau” ở đây chỉ những nhà dịch kinh, chú giải hay các giảng sư sau thời Tùy - Đường - Tống.

Chữ Giáo có nghĩa là Ngũ Giáo. Ngũ Giáo cũng là căn cứ trên cách giảng giải của tông Hoa Nghiêm. Thiên Thai đại sư phán định Tứ Giáo, Hiền Thủ đại sư phán định Ngũ Giáo. Ngài Hiền Thủ thuộc tông Hoa Nghiêm, Ngài phán định giáo pháp thành Ngũ Giáo tức Tiểu, Chung, Thi, Đốn, Viên. Ngũ Giáo là nói về quá trình dạy học. Tiểu Giáo giống như Tiểu Học, tức Tiểu Thừa Giáo. Thi Giáo là khởi đầu của Đại Thừa, giống như Sơ Trung (cấp hai, Trung Học đệ nhất cấp), Chung Giáo là cuối cùng của Đại Thừa, giống như Cao Trung (Trung Học đệ nhị cấp, cấp ba). Đốn Giáo là “đốn siêu” (nhANH chóng vượt qua), chẳng cần có đẳng cấp, có thể không cần phải học Tiểu Học và Trung Học, trực tiếp học Đại Học, đây là đứa trẻ thiên tài, Đốn Giáo là như vậy đấy! Viên Giáo giống như nghiên cứu sinh (hậu đại học), viên mãn nhất. Trong Ngũ Giáo, kinh Di Đà thuộc giáo nào? Nó thuộc về giai đoạn cuối của Đại Thừa, là chung cực (kết thúc tốt bậc) của Đại Thừa, mà cũng thuộc về Đốn Giáo. Không chỉ là Đốn Giáo, mà còn có một phần ý nghĩa Viên Giáo. Do vậy, nếu dùng Ngũ Giáo để nói thì kinh Di Đà có đủ các ý nghĩa Chung, Đốn, Viên. Do vậy biết kinh này thuộc về cách tu học cao cấp trong Đại Thừa, chẳng tầm thường!

(Diễn) Vị tri Viên Đốn chi nghĩa thâm thiên quảng hiệp, cố thọ chi dĩ nghĩa lý thâm quảng.

(演) 未知頓圓之義深淺廣狹，故受之以義理深廣。

(Diễn: Do chưa biết ý nghĩa Viên Đốn sâu, cạn, rộng hẹp [như thế nào] nên nêu ra sự sâu rộng của nghĩa lý).

Chúng ta chẳng hiểu nghĩa Viên Đốn sâu, cạn, rộng, hẹp [như thế nào], nên ắt cần phải bàn luận với mọi người về sự sâu rộng nơi nghĩa lý. Cũng cần phải hiểu điều này thì quý vị mới có thể thật sự lý giải rằng căn cứ lý luận của kinh Di Đà khá sâu, khá viên mãn, những điều này sẽ kiến lập tín tâm cho chúng ta. Nếu quý vị chẳng hiểu những đạo lý này, dầu có niệm A Di Đà Phật, cùng tu với mọi người, nhưng tín tâm chẳng kiên cố, tín tâm chẳng thanh tịnh. Chẳng kiên cố, sẽ dễ bị dao động. Chẳng hạn như người ta bảo quý vị “Thiền hay lắm”, quý vị bèn tham Thiền. Nói “Mật tuyệt lắm”, quý vị bèn niệm chú. Lại nói “Giới Luật tốt lắm”, quý vị bèn đắp y, khát thực. Đây là tín tâm của quý vị chưa kiên cố, bị dao động. Tín tâm chẳng thanh tịnh có nghĩa là gì? Chẳng thanh tịnh tức là lắm nổi nghi ngờ: Ta niệm Phật có phải là hạnh chân thật hay chẳng? Có thật sự được vãng sanh hay không? Vạn nhất không thể vãng sanh thì làm thế nào đây? Tuy chẳng lay động, nhưng tín tâm chẳng thanh tịnh, sẽ thường hoài

nghi. Quý vị hiểu rõ “*nghĩa lý rộng sâu*” (nghĩa lý thâm quảng) thì tín tâm vừa kiên cố, vừa thanh tịnh, chẳng hoài nghi. Vì vậy, điều mục này quả thật là rất trọng yếu.

(Diễn) *Ký tri nghĩa lý bao bác xung thâm, vị thẩm thử kinh bị hà căn khí, cố thọ chi dĩ sở bị giai phẩm.*

(演) 既知義理包博沖深，未審此經被何根器，故受之以所被階品。

(Diễn: *Đã biết nghĩa lý bao dung, mênh mông, tinh xác, thăm thẳm, nhưng chưa rõ kinh này thích hợp với căn khí nào, nên phải nêu bày những địa vị, phẩm vị được tiếp độ bởi kinh này).*

Đã biết nghĩa lý rồi, “*bao bác*” có nghĩa là trọn vẹn, “*bao*” (包) là bao dung. Không chỉ hết thảy Phật pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm được bao gồm toàn bộ trong kinh này, kinh Di Đà tuyệt vời! Mà còn thừa với quý vị, pháp của mười phương ba đời hết thảy chư Phật đã nói cũng chẳng ra ngoài phạm vi của kinh này. Thật sự “*bao bác*” (bao dung, mênh mông), “*bác*” (博) là rộng lớn. “*Xung thâm*” (沖深) là tinh thâm, bác đại tinh thâm (mênh mông, to lớn, tinh tường, sâu xa)! Nếu quý vị đã thảo luận vấn đề “*nghĩa lý rộng sâu*”, thật sự khẳng định bộ kinh này có nghĩa lý bác đại tinh thâm, quý vị hãy nghĩ xem: Kinh văn không bao nhiêu, nhưng nay chúng ta thấy chú giải của Liên Trì đại sư là hai cuốn sách dày, đủ thấy đúng là sâu, đúng là rộng! Mỗi ngày chúng tôi giảng một tiếng ruồi, giảng xong bộ kinh này phải mất trọn một năm. Kinh Di Đà chẳng đơn giản, đừng coi thường! Đây là nói “*đã hiểu kinh này là bác đại tinh thâm rồi!*”

Thế nhưng kinh này “*bị hà căn khí?*” (thích hợp hạng căn khí nào). Nói theo cách bây giờ là phải có điều kiện và tư cách như thế nào thì mới có thể tiếp nhận, mới có thể tu học được? [Do vậy], tiếp theo đó bèn nói tới “*sở bị giai phẩm*” (địa vị và phẩm vị được tiếp độ bởi kinh này). “*Giai*” (階) là giai cấp (tầng bậc), “*phẩm*” (品) là phẩm loại, muốn đàm luận với quý vị người như thế nào mới có thể tu học. Đừng bị những điều đã nói trên đây dọa chết khiếp: Sâu dường ấy, rộng ngàn ấy, sợ rằng ta chẳng đủ tư cách, ta cũng không có cách nào học pháp này. Do vậy, phải bảo quý vị: Pháp môn này ai cũng đều có thể học, mẫu nhiệm ở chỗ này!

(Diễn) *Dĩ tri thử kinh bị cơ phổ biến.*

(演) 已知此經被機普遍。

(Diễn): Đã biết kinh này thích hợp trọn khắp các căn cơ).

Gia bị hết thầy chúng sanh, người thuộc ba hạng căn tánh thượng - trung - hạ ai nấy đều có thể tu học, tâm chúng ta đã định, tâm cũng đã an: Ta cũng có tư cách học pháp môn này, ai nấy đều có tư cách học, lại còn đều có thể thành tựu.

(Diễn) Vị tri năng thuyết hà vi thể tánh, cố thọ chi dĩ năng thuyết thể tánh.

(演) 未知能詮何為體性，故受之以能詮體性。

(Diễn): Chưa biết thể tánh dùng để giảng giải là như thế nào, nên nêu ra thể tánh đã dùng để giảng giải).

“Thể” (體) là bản thể, “tánh” (性) là tánh chất. Người hiện thời gọi “thể tánh” là “căn cứ lý luận”. Đức Phật giảng bộ kinh này như thế nào? Căn cứ lý luận để giảng là gì? Điều này có ý nghĩa khác với điều thứ nhất (giáo khởi sở nhân). Điều thứ nhất là nhân duyên, do nhân duyên nào mà Ngài nói với chúng ta, đây là hỏi về nhân duyên, vì sao Ngài nói với tôi? Còn ở đây là căn cứ vào đâu để nói? Ngài dựa trên điều gì? Nếu Ngài nói: “Đại khái, ta tưởng tượng như vậy đó”, chúng ta sẽ chẳng thể tin tưởng! Nếu là Ngài tưởng tượng thì không được rồi! Nhất định phải có căn cứ lý luận. Có căn cứ lý luận và sự thật thì chúng ta mới có thể tin tưởng được! Do vậy, phải bàn luận điều này, thật sự kiên lập tín tâm của chúng ta đối với bộ kinh này và pháp môn này.

(Diễn) Dĩ tri năng thuyết chi Thể như thị cai la, vị thâm sở tông tôn sùng hà nghĩa, cố thọ chi dĩ tông thú chỉ quy.

(演) 已知能詮之體如是該羅，未審所宗尊崇何義，故受之以宗趣旨歸。

(Diễn): Đã biết Thể để nói kinh này bao trùm như thế, chưa biết rõ [kinh này] đề cao tôn sùng những nghĩa lý như thế nào, nên nêu ra Tông, Thú, chỉ quy).

Năng Thuyết Thể Tánh chính là phân Biệt Thể trong Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, do vậy nó là một đề mục hết sức quan trọng. Chúng ta biết chỗ Phật y cứ là “tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ” để giảng cho chúng ta pháp môn này, dạy chúng ta phương pháp tu học, nhưng chúng ta không

biết cách tu ra sao? “*Tông thú chỉ quy*” là phương pháp tu hành. Đã hiểu rõ căn cứ lý luận rồi, nhưng dùng phương pháp nào để tu? Hạng mục này nhằm giảng rõ phương pháp cho chúng ta. “*Tông*” (宗) là tông chỉ, “*thú*” (趣) là quy thú (歸趣: hướng đến), quy hướng, dùng phương pháp nào để tu? Sau khi tu, kết quả sẽ như thế nào? Tông là tu hành, Thú là kết quả; chiếu theo phương pháp ấy để tu học, kết quả cuối cùng sẽ là gì? Điều này chính là phần Minh Tông và Luận Dụng trong Ngũ Trùng Huyền Nghĩa.

(Diễn) *Dĩ tri thử kinh chỉ thú xung huyền, vị thâm đương bộ đẳng loại vi hữu kỷ chủng, cố thọ chỉ dĩ bộ loại sai biệt.*

(演) 已知此經旨趣冲玄，未審當部等類為有幾種，故受之以部類差別。

(Diễn): *Đã biết chỉ thú của kinh này mênh mông, huyền diệu, nhưng chưa rõ những kinh có cùng bộ loại với kinh này gồm bao nhiêu thứ, vì thế phải nêu ra bộ loại sai biệt).*

Phương pháp tu hành và công đức lợi ích do tu hành chẳng thể nghĩ bàn! Ở đây dùng hai chữ “*xung huyền*” để hình dung; hai chữ này tương ứng với tên gọi gốc của bản kinh này. Tên gọi nguyên gốc của kinh này là Xung Tán Bất Khả Tư Nghị; “*xung huyền*” có nghĩa là chẳng thể nghĩ bàn: Phương pháp chẳng thể nghĩ bàn, quả báo chẳng thể nghĩ bàn, thật sự quá thù thắng, nên nói “*duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh*” (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo). Trong phần trước, tôi cũng từng thưa với quý vị đôi chút, điều chẳng thể nghĩ bàn thứ nhất là như kinh này đã dạy: Chỉ cần vãng sanh liền viên chứng ba món Bất Thoái, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Trong hết thảy các kinh giáo, đức Phật chưa hề nói như vậy. Viên chứng ba thứ Bất Thoái, hãy đặc biệt chú trọng chữ Viên, đó là quả báo chẳng thể nghĩ bàn. Tu hành chẳng thể nghĩ bàn, do một câu A Di Đà Phật bèn có thể đới nghiệp vãng sanh, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Trong pháp môn này, điều chẳng thể nghĩ bàn cao tột nhất chính là hai chuyện này; bởi lẽ, lý luận quá sâu, phương pháp quá huyền diệu!

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, biết chuyện này, nhưng chẳng hiểu những kinh đồng loại với kinh này có bao nhiêu thứ. Vì thế, tiếp theo đây, phải nói rõ “*bộ loại sai biệt*”. “*Bộ*” là đồng bộ, tức là những kinh điển nói về cùng một chuyện. Ví như kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đồng bộ với kinh này vì đều giảng về Tây Phương Cực

Lạc thế giới; còn có Cổ Âm Vương Kinh cũng là đồng bộ. “*Đồng loại*” thì như kinh Hoa Nghiêm là đồng loại. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng “mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc”, cũng lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới làm mục tiêu, nhưng phương pháp tu hành khác kinh này. Kinh này niệm A Di Đà Phật, kinh kia tu mười đại nguyện vương. Phương pháp tu hành khác nhau, nhưng mục đích là cùng một chỗ, đều là về Tây Phương Cực Lạc thế giới, gặp A Di Đà Phật, nên thuộc cùng một loại.

(Diễn) Dĩ tri bộ loại tường lược đồng biệt.

(演) 已知部類詳略同別。

(Diễn:) *Đã biết bộ loại tường tận hay sơ lược, giống nhau hay khác nhau rồi).*

Đã được giới thiệu nên hiểu rõ rồi, nhưng chúng ta còn có nghi vấn.

(Diễn) Vị ủy dịch tự hà thời, phạm hữu kỷ dịch.

(演) 未委譯自何時，凡有幾譯。

(Diễn:) *Chưa rõ [kinh này] được dịch từ thời nào, có mấy bản dịch).*

Kinh Phật từ tiếng Phạn (Sankrit) dịch ra, chúng ta vẫn chưa biết bộ kinh này được dịch vào thời nào? Người nào dịch? Được phiên dịch mấy lần? Sau khi kinh điển được truyền đến Trung Quốc, có bao nhiêu người phiên dịch? Có bao nhiêu bản dịch? Ví như kinh Kim Cương có sáu bản dịch, Tâm Kinh có mười mấy bản dịch, nhưng được lưu hành rộng nhất là bản dịch của ngài Huyền Trang, hai trăm sáu mươi chữ, bản dịch của Ngài đơn giản nhất.

(Diễn) Dĩ chí chú thích trì tụng hữu hà linh nghiệm, cố thọ chi dĩ dịch thích tụng trì.

(演) 以至註釋持誦有何靈驗，故受之以譯釋誦持。

(Diễn:) *Cho đến chú giải, trì tụng có linh nghiệm như thế nào; vì thế, nêu lên các chi tiết về dịch thuật, chú giải, tụng trì).*

Trải qua các đời, phiên dịch có cảm ứng như thế nào? Chú giải có cảm ứng như thế nào? Người thọ trì, đọc, tụng, y giáo tu hành có cảm ứng gì? Những điều này giống như cái gọi là “*kiến chứng*” (làm chứng, testimony) trong Cơ Đốc Giáo. Do sự chứng thực này, chúng ta mới chết

sạch lòng so đo, khẳng khái thọ trì. Trước khi giải thích kinh văn, phải nêu lên phương pháp giải thích kinh văn thì mới thật sự có thể khiến cho chúng ta đoạn nghi sanh tín.

(Diễn) Đại chỉ ký trần.

(演) 大旨既陳。

(Diễn: Tông chỉ đại lược đã trần thuật rồi).

“Đại chỉ” là đại ý của toàn bộ kinh văn, “trần” (陳) là trần thuật.

(Diễn) Tùy văn giải thích.

(演) 隨文解釋。

(Diễn: Dựa theo lời kinh để giải thích).

Sau khi đã nói đại ý xong, đương nhiên phải giải thích kinh văn. Giải thích kinh văn thì trước hết phải giải thích tên kinh, trước hết phải giải thích [tên gọi] Phật Thuyết A Di Đà Kinh.

(Diễn) Tiên minh tổng đề, sử tri cương lĩnh, cố thọ chi tổng thích danh đề.

(演) 先明總題，使知綱領，故受之總釋名題。

(Diễn: Trước hết phải giảng rõ tên gọi chung của cả bộ kinh để [người đọc] biết cương lĩnh [của bộ kinh này], nên nêu ra phần “giải thích chung danh hiệu của kinh”).

Trước tiên, phải hiểu rõ ý nghĩa của tên kinh này, đề mục (tên gọi của một bài văn) là tổng cương lĩnh của một bài văn chương.

(Diễn) Tổng nghĩa tuy tri, biệt văn nan hiểu.

(演) 總義雖知，別文難曉。

(Diễn: Tuy đã biết ý nghĩa chung, nhưng từng lời kinh văn riêng biệt vẫn còn khó hiểu).

Chữ “biệt văn” chỉ phần kinh văn. Đã hiểu rõ tựa đề kinh, nhưng đọc đến kinh văn, mỗi một chữ, mỗi một câu trong kinh văn đều chứa đựng vô lượng nghĩa, chúng ta là kẻ sơ học chẳng thấy được [những ý nghĩa ấy]!

(Diễn) Tòng “như thị ngã văn” chí chung.

(演) 從如是我聞至終。

(Diễn: Từ “như thị ngã văn” cho đến hết kinh).

Cho đến hết bộ kinh này!

(Diễn) Vi hà đẳng văn, thị hà đẳng nghĩa.

(演) 為何等文，是何等義。

(Diễn: Hành văn như thế nào, có nghĩa như thế nào?)

“Hà đẳng văn” có nghĩa là dùng thể tài nào? Kết cấu chương pháp như thế nào? “Hà đẳng nghĩa” là trong ấy chứa đựng những ý nghĩa nào?

(Diễn) Sử trầm ẩn chi nghĩa chương ư hàn mặc.

(演) 使沈隱之義彰於翰墨。

(Diễn: Khiến cho những ý nghĩa ẩn kín được phơi bày trên giấy mực).

Nay chúng ta gọi “hàn mặc” là “bút đoan” (ngọn bút). Nhờ ngòi bút diễn tả mọi điều rõ ràng, hiển thị trọn hết, khiến cho người ta vừa đọc liền hiểu rõ ngay. “Chương” là ý nghĩa đều rõ ràng.

(Diễn) Cố thọ chi dĩ biệt giải văn nghĩa dã.

(演) 故受之以別解文義也。

(Diễn: Cho nên phải giải thích ý nghĩa của từng đoạn văn riêng biệt).

Đây là điều thứ mười, đến chỗ này là giải thích rõ vì sao có mười môn này? Nhưng thứ tự của mười môn chẳng rối loạn, vì từng điều một được sanh khởi nối tiếp nhau, giống như chúng ta nêu câu hỏi, đáp xong câu hỏi thứ nhất, từ lời đáp cho câu hỏi thứ nhất, tức từ điều thứ nhất bèn sanh ra câu hỏi thứ hai. Trả lời câu hỏi thứ hai xong, lại có thể sanh ra câu hỏi thứ ba, cho đến câu thứ mười là viên mãn. Hết thấy nghi vấn đều được giải trừ!

(Diễn) Ngũ Trùng Huyền Nghĩa giả, nãi năng triệu chi Danh, sở thuyên chi Thể, hội Thể chi Tông, Tông sở thành Dụng, thượng tứ giáo tướng, như Thiên Thai giáo.

(演)五重玄義者，乃能召之名，所詮之體，會體之宗，宗所成用，上四教相，如天台教。

(Diễn: Năm tầng huyền nghĩa: Cái Danh có thể chiêu vời, cái Thể để giảng nói, Tông tương ứng với Thể, Dụng nhằm thành tựu Tông. Bốn giáo tướng đầu [trong mười môn của tông Hiền Thủ] giống như phần Phán Giáo trong tông Thiên Thai).

Một hàng rươi này nhằm thuyết minh đơn giản vì sao gọi là Ngũ Trùng Huyền Nghĩa. Trong Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, điều thứ nhất là Danh, giải thích tên gọi của bộ kinh. Phương pháp của Ngũ Trùng Huyền Nghĩa khác với phương pháp của tông Hoa Nghiêm. Tông Hoa Nghiêm giảng Huyền Nghĩa trước, đến cuối cùng mới giải thích tựa đề kinh; còn Ngũ Trùng Huyền Nghĩa vừa mở đầu liền giải thích tựa đề kinh. Giải thích tựa đề kinh xong mới đàm luận huyền nghĩa. “*Năng triệu chi Danh*” (cái Danh có thể chiêu vời) cho nên xếp nó lên đầu. Thứ hai là “*sở thuyên chi Thể*”, “*thuyên*” (詮) là giảng nói kinh. [“*Sở thuyên chi Thể*”] chính là căn cứ lý luận để giảng nói một bản kinh. Đây là tánh chất, thể tánh của kinh. Hạng mục thứ ba là Minh Tông, tức [giải thích] tông chỉ. “*Hội Thể chi Tông*”: Tông là phương pháp tu hành, Thể là căn cứ lý luận. Phương pháp tu hành nhất định phải tương ứng với căn cứ lý luận. Do vậy, gọi là “*hội Thể*”. Nếu phương pháp tu hành chẳng tương ứng với thể tánh, quý vị tu học sẽ uổng phí công phu, chẳng thể tương ứng!

Quý vị phải hiểu: Nay chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật, nói thật ra là Danh, cái Danh có thể cảm vời [muôn vạn công đức]. Rất hy hữu! Cưu Ma La Thập đại sư đã dùng danh hiệu Phật để đặt tên kinh; đây là điều tâm đắc thù thắng của lão nhân gia, Ngài có dụng tâm riêng. Tựa đề gốc của kinh này chẳng phải là A Di Đà Kinh, [danh xưng] A Di Đà Kinh là do Ngài đặt ra, dụng ý rất sâu, vì sao? Câu danh hiệu này tương ứng với thể tánh của kinh này. A Di Đà Phật là danh tự gì? Chính là danh tự Chân Như bản tánh của chúng ta, là danh tự của tự tánh Di Đà. Quý vị niệm danh tự này bèn minh tâm kiến tánh mà chẳng hay chẳng biết, niệm ra chân tánh.

Chúng ta có kẻ niệm Phật suốt đời, vì sao chẳng thể kiến tánh? Chẳng thể kiến tánh cũng chẳng sao, chỉ cần quý vị vãng sanh thì vãng sanh rồi sẽ kiến tánh. Vãng sanh là viên chứng ba thứ Bất Thoái, vãng

sanh là kiến tánh, quá mâu nhiệm! Trong một đời này còn chưa vãng sanh mà niệm một câu A Di Đà Phật bèn kiến tánh, có [trường hợp ấy] hay không? Có! Từ xưa có rất nhiều người tuy chưa vãng sanh nhưng niệm một câu Phật hiệu bèn kiến tánh. Ai kiến tánh? Liên Trì đại sư kiến tánh. Vì sao biết? Nếu Ngài chưa kiến tánh, sẽ chẳng thể viết ra bộ Sớ Sao này. Ngẫu Ích đại sư kiến tánh; nếu Ngài chưa kiến tánh, sẽ chẳng thể viết Yếu Giải. Cạn đại, Ấn Quang đại sư kiến tánh; nếu Ngài chưa kiến tánh, sẽ chẳng thể viết ra Văn Sao. Quý vị thấy đó, vì lẽ nào các vị ấy kiến tánh? Niệm một câu A Di Đà Phật bèn kiến tánh.

Ở đây, tôi phải thưa cùng quý vị, nhất định phải hiểu ý nghĩa trong kinh này thì niệm một câu Phật hiệu mới tương ứng, có tương ứng với chân tánh thì mới có thể niệm đến mức thấy tánh. Do điều này, chẳng thể không thâm nhập nghiên cứu kinh này! Quý vị nói: “Tôi niệm một câu A Di Đà Phật, tôi cũng lười nghiên cứu kinh, tôi cũng chẳng muốn đi nghe giảng”, được hay không? Được chứ! Nhưng trong đời này, quý vị chẳng kiến tánh. Quý vị có thể vãng sanh, nhưng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi mới kiến tánh. Nếu nghĩ “nếu nay tôi niệm Phật kiến tánh thì kiến tánh có chỗ nào hay ho?” Kiến tánh thì vãng sanh phẩm vị sẽ cao. Nói cách khác, đối với kinh luận này, quý vị nhất định phải đồ công nghiên cứu sâu xa. Chẳng những phải nghiên cứu, mà còn phải nghiên cứu thâm nhập. Sau đây, mỗi câu Phật hiệu mới tương ứng với tự tánh Di Đà. Đã tương ứng với tự tánh Di Đà, nhất định cũng sẽ tương ứng với A Di Đà Phật là vị giáo chủ của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong là tương ứng về mặt Lý với Tánh, ngoài là tương ứng nơi mặt Sự với đức Phật ấy (A Di Đà Phật bên Tây Phương Cực Lạc thế giới). Lý Sự bất nhị, công đức niệm Phật ấy vô lượng vô biên. Do vậy, Tông này được gọi là “*hội Thệ chí Tông*” (Tông tương ứng với Thệ).

“*Tông sở thành Dụng*”: Sau khi tu hành, nhất định phải có tác dụng to lớn. Tác dụng là vãng sanh, tức là thành Phật. Có thể nói: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn thành Phật! Nhưng quý vị phải hiểu: Phải thật sự vãng sanh, chứ giả thì không được. Vãng sanh giống như lão hòa thượng Quảng Khâm, lúc lâm chung không bệnh tật, nói đi là đi liền, muốn đi bèn đi ngay. Phải ra đi tự tại đường ấy. Đó là vãng sanh thật sự, hễ vãng sanh là thật sự làm Phật, chẳng giả! Lão hòa thượng Quảng Khâm vừa vãng sanh bèn thật sự thành Phật, viên chứng ba thứ Bất Thoái. Chắc chắn phẩm vị vãng sanh của Ngài chẳng thấp mà là vãng sanh trong phẩm vị cao. Tôi chỉ gặp mặt lão hòa thượng Quảng Khâm một lần khi tôi giảng kinh Địa Tạng tại chùa Pháp Hoa, lão nhân gia có đến nghe kinh một lần.

Tầng thứ năm trong Ngũ Trùng Huyền Nghĩa là Phán Giáo, Giáo là Giáo Tướng. Đối với Phán Giáo thì trong mười môn [của tông Hoa Nghiêm], các phần Giáo Khởi Sở Nhân, Tạng Giáo Đăng Nhiếp, Sở Bị Giải Phẩm, Bộ Loại Sai Biệt đều thuộc về giáo nghĩa, đều thuộc vào Phán Giáo. Ngũ Trùng Huyền Nghĩa đã gộp chung các phần này lại. [Do vậy, sách Diễn Nghĩa viết]: “*Thượng tứ giáo tướng, như Thiên Thai Giáo*” (Bốn giáo tướng đầu trong mười môn [của tông Hoa Nghiêm] tương ứng với phần Phán Giáo của tông Thiên Thai). Tông Thiên Thai có Tứ Giáo Nghi (bốn phương cách giáo hóa) nhằm chuyên môn thuyết minh phương pháp dạy học trong tông Thiên Thai. Tông Thiên Thai có Tứ Giáo Nghi, tông Hiền Thủ có Ngũ Giáo Nghi, tức là các phương pháp giảng dạy [khác nhau].

(Diễn) Kim Hiền Thủ.

(演) 今賢首。

(Diễn:) *Nay tông Hiền Thủ.*

“Kim” là hiện tại. Liên Trì đại sư chọn dùng phương pháp của tông Hoa Nghiêm, tức Thập Môn Khai Khai.

(Diễn) Tắc hữu thập môn sai biệt.

(演) 則有十門差別。

(Diễn:) *Bèn có mười môn sai biệt.*

Mười môn có sai khác với Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của tông Thiên Thai, nhưng thật ra thì...

(Diễn) Đại đồng tiểu dị.

(演) 大同小異。

(Diễn:) *Giống nhau ở những điểm chánh yếu, sai khác nơi những chi tiết nhỏ nhặt.*

Đặc biệt nói rõ cho chúng ta biết.

(Diễn) Sảo hữu tường lược giả, thử tường bỉ lược dã.

(演) 稍有詳略者，此詳彼略也。

(Diễn:) *Có tường tận hay đại lược khác biệt đôi chút là do cách này nói tường tận, cách kia nói khái lược.*

“*Thủ*” là tông Hiền Thủ, do tông Hoa Nghiêm có mười hạng mục nên tường tận hơn; tông Thiên Thai chỉ có năm hạng mục, giản lược hơn. Do vậy nói: “*Thủ tường bỉ lược*”.

(Diễn) *Thủ trung Thích Danh, tức Thiên Thai Danh.*

(演) 此中釋名，即天台名。

(Diễn: Phần Thích Danh ở đây chính là phần Thích Danh trong [Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của] tông Thiên Thai).

Phần Tổng Thích Danh Đề chính là phần Thích Danh của tông Thiên Thai.

(Diễn) *Thủ trung Năng Thuyên Thể Tánh, tức Thiên Thai Thể.*

(演) 此中能詮體性，即天台體。

(Diễn: Phần Năng Thuyên Thể Tánh ở đây chính là phần Biện Thể trong tông Thiên Thai).

Năng Thuyên Thể Tánh là phần Biện Thể trong tông Thiên Thai.

(Diễn) *Tông Thú Chỉ Quy tức Thiên Thai Tông.*

(演) 宗趣旨歸，即天台宗。

(Diễn: Phần Tông Thú Chỉ Quy chính là phần Minh Tông trong tông Thiên Thai).

Tông Thú Chỉ Quy chính là phần Minh Tông của tông Thiên Thai.

(Diễn) *Sở Bị Giai Phẩm, tức Thiên Thai Dụng.*

(演) 所被階品，即天台用。

(Diễn: Phần Sở Bị Giai Phẩm là phần Dụng trong tông Thiên Thai).

Sở Bị Giai Phẩm là phần Lực Dụng trong tông Thiên Thai.

(Diễn) *Dư ngũ tức Thiên Thai Giáo Tướng dã.*

(演) 餘五即天台教相也。

(Diễn: Năm phần còn lại tương ứng với phần Giáo Tướng của tông Thiên Thai).

Năm thứ còn lại được tông Thiên Thai gọi là Giáo Tướng. Nội dung của Ngũ Trùng Huyền Nghĩa và Thập Môn Khai Khải chẳng sai biệt, chỉ là phương thức [diễn đạt] khác nhau. Đã giới thiệu đại ý xong, dưới đây chúng ta sẽ thảo luận sâu hơn từng điều một.

Nhị, tường thích.

二、詳釋

(Hai, giải thích cặn kẽ).

“*Tường thích*” là đối với mười hạng mục, mỗi một hạng mục là một đoạn, đoạn thứ nhất là Giáo Khởi Nhân Duyên, lại chia thành Tổng Nhân Duyên và Biệt Nhân Duyên.

Sơ Tổng.

Tiên minh Tổng giả, vị Như Lai duy vị nhất đại sự nhân duyên xuất hiện ư thế, tắc nhất đại thời giáo, tổng kỳ đại ý, duy dục chúng sanh khai thị ngộ nhập Phật chỉ tri kiến. Kim thử kinh giả, trực chỉ chúng sanh dĩ niệm Phật tâm nhập Phật tri kiến cố.

初總

先明總者，謂如來唯為一大事因緣出現於世，則一代時教，總其大意，唯欲眾生開示悟入佛之知見。今此經者，直指眾生以念佛心入佛知見故。

(Thứ nhất là nhân duyên chung.

Trước hết, nói rõ nhân duyên chung, chính là Như Lai chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời; cho nên ý nghĩa chung của toàn bộ giáo pháp trong một đời đức Phật chỉ là “vì muốn làm cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật”. Nay kinh này chỉ thẳng cho chúng sanh biết: Hãy dùng cái tâm niệm Phật để nhập tri kiến của Phật).

Văn chương của Liên Trì đại sư hay tuyệt vời! Thật sự đạt yêu cầu về phép tắc văn chương của cổ nhân Trung Quốc “*giản, yếu, tường, minh*”, tức là đơn giản, trọng yếu, tường tận, rõ ràng. Do vậy, rất nhiều đồng tu muốn học văn chương Văn Ngôn, học văn chương Văn Ngôn chẳng có bí quyết nào khác: Phải đọc thuộc văn chương Văn Ngôn, nhưng không cần đọc cổ văn, đọc bộ Di Đà Kinh Sớ Sao này được rồi! Đây là văn chương Văn Ngôn hay nhất, đã học được văn mà còn hiểu ý, một công

mà đạt nhiều chuyện, còn gì vui sướng hơn? Quý vị muốn học văn chương Văn Ngôn, nếu thuộc văn chương đến mức nhuần nhuyễn, thấu triệt, quý vị sẽ không chỉ biết đọc mà cũng biết viết. Do vậy, nhất định phải đọc nhuần nhuyễn.

Trước hết, nói đến Tổng Nhân Duyên. Vì nhân duyên gì Thích Ca Mâu Ni Phật đến thế gian này? Trước hết, chúng ta hãy thảo luận vấn đề này. Đức Phật xuất hiện trong thế gian này để làm gì? Vì sao Ngài phải đến? Chúng ta cũng tới thế gian này, vì sao chúng ta phải đến? Chúng ta chẳng thể không đến, nghiệp báo mà! Đã tạo nghiệp, hiện tại phải hứng chịu quả báo, lẽ nào quý vị chẳng đến cho được? Đương nhiên phải đến! Đức Phật chẳng tạo nghiệp, có sao Ngài cũng đến? Ngài đến khác với chúng ta, do đâu mà chúng ta biết nguyên nhân Ngài đến đây? Chính đức Phật tự nói ra! Đoạn văn này trích từ kinh Pháp Hoa, đức Phật “*vì một đại sự nhân duyên*” mà xuất hiện trong thế gian. Đại sự gì vậy? Chính là “*khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật*”, vì chuyện như vậy đó! Đức Phật xuất hiện trong thế gian bốn mươi chín năm, tông chỉ giáo hóa chúng sanh của Ngài là tám chữ ấy. Mục tiêu dạy học là [khiến cho chúng sanh] “*nhập tri kiến của Phật*”. Nói cách khác, nhập tri kiến của Phật là thành Phật.

Đức Phật xuất hiện trong thế gian giáo hóa chúng sanh, mục tiêu là gì? Hy vọng mọi người đều thành Phật. Ngài vì lẽ này mà đến. “*Khai thị*” là chuyện của lão nhân gia, là chuyện của thầy, còn “*ngộ nhập*” là chuyện của chúng ta! Ngài đã khai thị, chúng ta có thể ngộ nhập hay không? “*Khai*” là mở mang, hiện thời tâm chúng ta đóng chặt, giống như có cái nút chặn, lấp chặt. Do vậy, quý vị chẳng thể minh tâm kiến tánh. Đức Phật dùng đủ mọi phương pháp thiện xảo để cạy tung cái nút ấy hồng mở tung cái tâm của chúng ta. Sau khi đã mở ra, bản thân chúng ta vẫn chưa thể hiểu rõ; do vậy, lại phải tiến hơn bước nữa, chỉ dạy chúng ta từng chuyện một, đó là chuyện của thầy. Thầy chỉ có thể làm đến đây, chỉ dạy từng chuyện, chúng ta là học sinh thì phải nên hoảng nhiên đại ngộ. Ngộ rồi phải nhập cảnh giới ấy, giống như Phật, chẳng khác gì! Do vậy, Phật khai thị [cho chúng ta hiểu] tri kiến của Phật, chỉ bày tri kiến của Phật, hy vọng chúng ta ngộ và nhập tri kiến của Phật. Vì thế, học sinh phải ngộ nhập! Nếu học sinh chẳng thể ngộ nhập, thầy đã uống công khai thị mất rồi! Quý vị phải hiểu: Khai thị là chuyện của Phật, thấp nhất cũng là chuyện của hàng Bồ Tát. Đây là nhân duyên khiến Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian.

Liên Trì đại sư đã chỉ bảo chúng ta: “*Kim thử kinh giả*” (nay trong kinh này), trong bộ kinh này, đức Phật đã dùng phương pháp nào để khai

thì? “*Trực chỉ chúng sanh dĩ niệm Phật tâm nhập Phật tri kiến*” (chỉ thẳng cho chúng sanh biết hãy dùng cái tâm niệm Phật để nhập tri kiến của Phật), thật phi phạm! Kẻ tầm thường sẽ chẳng nói nổi câu này! Do vậy, tôi nói Liên Trì đại sư là bậc kiến tánh.

(Diễn) Tiên minh tổng giả, tổng quát nhất đại thời giáo dã.

(演) 先明總者，總括一代時教也。

(Diễn: “Trước hết, nói rõ nhân duyên chung”: *Nêu nhân duyên chung của toàn bộ giáo pháp trong suốt một đời đức Phật***).**

Đây là giải thích ý nghĩa của chữ Tổng, “*nhất đại thời giáo*” là giáo học trong suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật.

(Diễn) Nhất đại sự nhân duyên giả, phi tam phi ngũ vi nhất.

(演) 一大事因緣者，非三非五為一。

(Diễn: “Một đại sự nhân duyên”: *Chẳng phải ba, chẳng phải năm, mà là một***).**

Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật mới nói ra toàn bộ ý Ngài: “*Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệc vô tam*” (chỉ có pháp Nhất Thừa, chẳng hai, cũng chẳng ba). Trong quá khứ, đức Phật giảng hai thừa là Đại Thừa và Tiểu Thừa, hoặc giảng ba thừa: Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa, nhưng trong hội Pháp Hoa, Ngài phủ định hết những chuyện trước kia.

Phật pháp chỉ có một thừa, chứ không có ba thừa, mà cũng chẳng có năm thừa. Năm thừa bao gồm [ba thừa, kể thêm] nhân thừa và thiên thừa. “*Phi tam, phi ngũ, vi nhất*”: Nhất Thừa, đó là một. Một đại sự nhân duyên thì chữ “*một*” chỉ điều gì? Pháp Nhất Thừa, chỉ có pháp Nhất Thừa. “*Đại*” là gì vậy?

(Diễn) Xưng Thể nhi châu viết Đại.

(演) 稱體而周曰大。

(Diễn: Tương ứng trọn khắp với Thể thì gọi là Đại).

“*Đại*” chẳng phải là lớn trong “lớn, nhỏ”, chẳng phải là Đại tương đối, nhưng bất đắc dĩ phải dùng chữ này để tán thán và hình dung, vì sao? “*Xưng Thể nhi châu*”: Thể là Chân Như bốn tánh của chúng ta, “*châu*”

có nghĩa là “châu biên” (周遍: trọn khắp), viên mãn, chẳng có mảy may thiếu khuyết nào! Cảnh giới và sự lý này chắc chắn chẳng thể diễn tả được, cũng chẳng có cách nào tưởng tượng được. Đó gọi là “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xức diệt*”. Bất đắc dĩ phải dùng chữ Đại để tán thán và hình dung. Đó là ý nghĩa bao hàm trong chữ Đại.

(Diễn) Xuất thế nghi tắc viết Sự.

(演) 出世儀則曰事。

(Diễn: Vượt khỏi các pháp tắc thế gian nên gọi là Sự).

Vượt khỏi các nghi thức, pháp tắc trong thế gian nên gọi là Sự.

(Diễn) Chúng sanh bốn cụ vi Nhân, chư Phật chỉ thị vi Duyên.

(演) 眾生本具為因，諸佛指示為緣。

(Diễn: Chúng sanh sẵn có là Nhân, chư Phật chỉ dạy là Duyên).

Gọi là “*đại sự nhân duyên*” thì đại sự này vốn là điều hết thảy chúng sanh vốn sẵn có. Khi Lục Tổ khai ngộ, lão nhân gia ngộ nhập, Ngũ Tổ Nhẫn đại sư giảng kinh Kim Cang cho Ngài nghe. Ngũ Tổ khai thị cho Ngài, Ngài nghe đến chỗ “*ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (đừng nên trụ vào đâu để sanh tâm) liền ngộ nhập. Vừa ngộ nhập, lão nhân gia bèn nói: “*Hà kỳ tự tánh, bốn lai thanh tịnh*” (nào ngờ tự tánh vốn sẵn thanh tịnh), tự tánh là chân tâm của chính quý vị, nó vốn sẵn thanh tịnh, chẳng ô nhiễm. “*Hà kỳ tự tánh, bốn lai cụ túc*” (nào ngờ tự tánh vốn sẵn đầy đủ), đầy chính là ý nghĩa Nhân được nói ở đây, vốn đầy đủ, chẳng thiếu khuyết mảy may nào! Đầy đủ gì vậy? Chẳng có một pháp nào không đầy đủ. Quý vị vốn sẵn đủ trí huệ giống hệt như chư Phật, trí huệ của quý vị viên mãn, đức hạnh viên mãn, năng lực viên mãn, tài nghệ viên mãn, cho đến phú quý cũng viên mãn, chẳng có thứ gì không viên mãn, quý vị vốn sẵn đầy đủ!

Tuy vốn sẵn đầy đủ, nhưng hiện thời tôi vốn sẵn đầy đủ mà chẳng thể dùng thì làm thế nào đây? Có thể dùng chứ! Phía sau [hai câu nói trên đây], lão nhân gia lại nói: “*Hà kỳ tự tánh, năng sanh vạn pháp*” (nào ngờ tự tánh có thể sanh ra muôn pháp). Có thể sanh ra muôn pháp, nên ta mới có thể thụ dụng; chứ nếu đầy đủ mà chẳng thể sanh thì ta cũng chẳng thể thụ dụng được! Đầy đủ mà có thể sanh nên thứ gì cũng đều thụ dụng được. Quý vị mở Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh ra xem, từ phần đầu kinh văn, quý vị sẽ thấy bất luận sự hưởng thụ nào của Phật, về mặt

tinh thần hay vật chất, nhân gian chúng ta không có cách nào sánh bằng! Cổ nhân nói: “*Không đọc Hoa Nghiêm, sẽ chẳng biết sự phú quý khi thành Phật*”. Chẳng hiểu thành Phật có chỗ tốt đẹp nào! Những thứ hưởng thụ vật chất và tinh thần ấy từ đâu mà có? Vốn sẵn trọn đủ trong bốn tánh của chính mình, [tự tánh] có thể sanh ra chúng, chứ không phải do cầu từ bên ngoài, chẳng phải do hữu ý tạo tác, chẳng phải vậy, mà là tự tánh vốn sẵn trọn đủ, có thể sanh ra vạn pháp, nhất định phải hiểu đạo lý này!

Nói cách khác, chúng ta vốn là kẻ phú quý, vốn chẳng có phiền não, vốn chẳng có đau khổ, hiện thời chúng ta tạo thành một thân đầy thống khổ phiền não, khổ chẳng thể nói nổi, nguyên nhân là đâu? Mê mất tự tánh! Tự tánh là tri kiến của Phật. Quý vị mê mất tri kiến của Phật. Phật là ai? Chính quý vị vốn là Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm và kinh Viên Giác, đức Phật đã nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Chẳng phải là quý vị thành Phật trong tương lai, chẳng phải là thành Phật trong hiện tại, mà quý vị vốn đã thành Phật! Vốn đã thành Phật, nói cách khác, quý vị vốn chẳng có phiền não, vốn sẵn giàu có, đầy đủ, vốn chẳng ngu si! Hiện thời, quý vị ngu si, phiền não, sanh tử, nghiệp chướng trùng trùng, đều do quý vị mê mất bốn tánh của chính mình, nên mới xuất hiện các huyền tướng ấy. Do vậy nói: “*Chúng sanh bốn cụ vi Nhân*” (Chúng sanh vốn sẵn đủ là Nhân). Tuy có cái nhân ấy, nhưng nếu không có Phật khai thị thì bản thân chúng ta chẳng nhận biết. Vì vậy, nhất định cần phải được Phật khai thị thì chúng ta mới hoằng nhiên đại ngộ, mới có thể tiến nhập. Đối với chúng ta mà nói, sự giáo hóa của Phật là Tăng Thượng Duyên, hết thấy [những đức năng, phẩm đức, thần thông, tự tại v.v...] đều là những thứ chính mình vốn sẵn trọn đủ.

(Diễn) Khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến giả.

(演) 開示悟入佛之知見者。

(Diễn: Khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật là...)

Tám chữ này hết sức trọng yếu.

(Diễn) Tam trí viên hiển viết Phật Tri, ngũ nhãn viên minh viết Phật Kiến.

(演) 三智圓顯曰佛知，五眼圓明曰佛見。

(Diễn: Ba trí hiển lộ trọn vẹn thì gọi là Phật Tri, ngũ nhãn viên minh gọi là Phật Kiến).

Quý vị thấy: Với tri kiến này, há chẳng thành Phật ư? Tam Trí là Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí và Nhất Thiết Chứng Trí. Nhất Thiết Trí là Chánh Giác, Đạo Chứng Trí là Chánh Đẳng Chánh Giác, Nhất Thiết Chứng Trí là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ba trí viên mãn, lại còn khởi tác dụng rành rành, đó gọi là Phật Tri. Phật ở đây là Tự Tánh Phật, là chính mình. Nay nếu chúng ta hỏi: Mỗi cá nhân đều đầy đủ, lại còn viên mãn ba trí này, vì sao hiện thời ba trí của chúng ta chẳng hiển lộ? Vì chúng ta có Vô Minh phiền não, nên Nhất Thiết Chứng Trí bị mê mất, chẳng hiển hiện. Vì chúng ta có Trần Sa phiền não, nên Đạo Chứng Trí bị ngăn che, cũng chẳng thể hiển hiện được! Vì chúng ta có Kiến Tư phiền não, Nhất Thiết Trí cũng chẳng thể hiển hiện được. Ba trí ấy bị ba thứ phiền não ấy chướng ngại, ngăn lấp, nên tuy có mà chẳng hiển hiện, tuy đầy đủ viên mãn mà chẳng khởi tác dụng. Giống như mặt trời tuy rất rực rỡ, nhưng bị mây dày che lấp, chúng ta chẳng thấy mặt trời, thấy bên ngoài vẫn là một bầu tối tăm. Do bị mây che lấp, chẳng phải là mặt trời không tỏa sáng. Nói cách khác, hoàn toàn chẳng phải là quý vị không có Phật Tri, mà vì có ba món phiền não ngăn lấp Phật Tri của quý vị. Muốn trí huệ thấu lộ, quý vị phải đoạn phiền não. Kiến Tư phiền não bao gồm năm thứ Kiến Hoặc và năm thứ Tư Hoặc, tổng cộng là mười loại. Quý vị đoạn sạch mười loại này, Nhất Thiết Trí sẽ thấu xuất. Tiến thêm bước nữa là đoạn hết Trần Sa phiền não, Đạo Chứng Trí sẽ hiện tiền. Đến cuối cùng, Vô Minh cũng phá trừ, Nhất Thiết Chứng Trí hiện tiền. Quý vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này!

Tiếp theo đó, nói tới Phật Kiến. Nói thật ra, Tri và Kiến là một chuyện, Tri là nói về tâm, Kiến là nói về [tâm] khởi tác dụng, tức là thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm nhận, đều dùng một chữ Kiến để tượng trưng. Phật có Ngũ Nhân, đương nhiên cũng có Ngũ Nhĩ, Ngũ Ty, Ngũ Thiệt, Ngũ Thân, Ngũ Ý, Ngũ Căn. Đối với sáu căn, dùng một căn làm đại biểu. Kinh Kim Cang giảng Ngũ Nhân rất cặn kẽ: Đức Phật có Nhục Nhân, Thiên Nhân, Huệ Nhân, Pháp Nhân và Phật Nhân. “*Ngũ nhân viên minh*” đối với hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian, quá khứ, hiện tại, vị lai, không gì chẳng biết. Hiện thời, các tín đồ tôn giáo ca ngợi Thượng Đế, xưng tụng Ngài là “toàn tri toàn năng”, nhưng thật ra, Thượng Đế cũng mê hoặc, điên đảo, toàn tri toàn năng ở chỗ nào? [Thượng Đế] chẳng khác chúng ta cho lắm, có khi còn thua chúng ta. Chúng ta không học Phật thì thua kém Thượng Đế, nhưng học Phật rồi, Thượng Đế chẳng bằng chúng ta. Thật vậy! Toàn tri toàn năng là chính chúng ta, bản thân mỗi người đều là toàn

tri toàn năng. Đáng tiếc là quý vị mê mất nên tri năng (năng lực nhận biết) của quý vị chẳng thể khởi tác dụng.

(Diễn) Chư Phật tri kiến, chúng sanh bản cụ.

(演) 諸佛知見，眾生本具。

(Diễn: Chúng sanh vốn sẵn trọn đủ tri kiến của chư Phật).

Đây là đức Phật nói lời chân thật với chúng ta, chứ không nói chỉ riêng Ngài có, còn chúng ta chẳng có. Trong mắt Phật, Ngài thấy hết thấy chúng sanh là bình đẳng, vì sao? Phật có toàn tri toàn năng, mỗi một chúng sanh đều toàn tri toàn năng, chắc chắn chẳng khác gì nhau! Do vậy, tâm Phật đối đãi bình đẳng với hết thấy chúng sanh. Chúng ta đối đãi hết thấy chúng sanh chẳng bình đẳng là vì chúng ta đã mê mất, tức là mê mất chính mình, nên tâm quý vị mới bất bình đẳng. Do vậy, tâm bình đẳng là Phật tâm; tâm bình đẳng là chân tánh.

(Diễn) Trụ, Hạnh, Hướng, Địa, vị khai thị ngộ nhập.

(演) 住行向地，為開示悟入。

(Diễn: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa là khai thị ngộ nhập).

Đây là các tầng cấp của Bồ Tát: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa. Khai là Thập Trụ, Thị là Thập Hạnh. Ngộ là Thập Hồi Hướng, Nhập là Thập Địa. Đây là đem từng chữ phối hợp với từng tầng địa vị để giảng; thật ra, bốn mươi một địa vị từ Sơ Trụ cho đến Thập Địa, trong mỗi địa vị đều có “khai thị ngộ nhập”.

(Diễn) Khai giả, như khai thiên niên bảo tạng.

(演) 開者，如開千年寶藏。

(Diễn: Khai giống như mở kho báu ngàn năm).

Tâm tánh của chúng ta chính là kho báu, vốn sẵn thanh tịnh, vốn sẵn đầy đủ, có thể sanh ra vạn pháp, thật sự là kho báu. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là do tự tánh của chính chúng ta hiện, do duy thức sở biến, thật sự là kho báu. Do chúng ta mê, nên đức Phật mở ra cho chúng ta.

(Diễn) Thị giả, nhất nhất chỉ trần.

(演) 示者，一一指陳。

(Diễn: Thị là chỉ bày từng điều một).

Chỉ dạy chúng ta từng chuyện, trần thuật cho chúng ta. “Chỉ” là chỉ dạy, “trần” là nói rõ.

(Diễn) Ngộ giả, khoáng nhiên hiểu liễu.

(演) 悟者，豁然曉了。

(Diễn: Ngộ là hiểu thông suốt).

Hoảng nhiên đại ngộ, nay đã hiểu rõ ràng. Trước kia mê muội, nay đã hiểu rõ ràng.

(Diễn) Nhập giả, hòa thân nhất đảo dã.

(演) 入者，和身一倒也。

(Diễn: Nhập là hòa làm một với bản thân).

Đây là tỷ dụ, hợp với nó thành một thì gọi là “nhập”, hoàn toàn dung hợp thành một Thể. Đoạn này nhằm giải thích “khai, thị, ngộ, nhập”, đây là nói chung nhân duyên của giáo pháp suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kinh này “dĩ niệm Phật tâm, nhập Phật tri kiến” (dùng tâm niệm Phật để nhập tri kiến Phật), đó là “biệt chỉ” (chỉ dạy riêng biệt), chỉ bày pháp môn này, tức pháp môn Tịnh Độ. Có rất nhiều phương pháp để nhập tri kiến của Phật, nên gọi là “tám vạn bốn ngàn pháp môn”, môn nào cũng đều nhằm nhập tri kiến của Phật. Nhưng kinh này có pháp môn nhập tri kiến của Phật thuận tiện nhất, là pháp môn thuận tiện nhất trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, mà cũng là pháp môn ổn thỏa, thích đáng nhất, là pháp môn nhanh chóng nhất, là pháp môn viên mãn nhất. Tôi chỉ thưa cùng quý vị đến chỗ này, rốt cuộc là ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng, viên đôn như thế nào, lần sau chúng tôi sẽ nói tiếp. Hôm nay thời gian đã hết rồi.